TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 3 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Kim Nguyện.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 954/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hải L; cư trú tại số 37, Nguyễn Thị N, khóm 5, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T; cư trú tại số 37, Nguyễn Thị N, khóm 5, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Hiện đang sinh sống tại số 04, Cao T, khóm 7, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Hải L và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, chị L trình bày giữa chị với anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T thường hay ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chị, nhiều lần xúc phạm và đánh đập chị. Từ đó, chị không còn tình cảm với anh T dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị với anh T đã sống ly thân khoảng 11 tháng nay nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Đối với anh T xác định nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình nên giữa vợ

chồng mới xảy ra cự cải, bất đồng ý kiến, quan điểm sống và anh thừa nhận có đánh chị L 02 lần nhưng việc đánh chỉ mang tính chất doạ nạt. Tuy giữa anh và chị L sống ly thân khoảng 11 tháng nay, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên yêu cầu Toà án hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ với nhau mà không đồng ý ly hôn.

Về con chung là Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/6/2014, hiện đang chung sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Riêng anh T cho rằng trường hợp Toà án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng cả anh T và chị L cùng yêu cầu tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Hải L xác định anh, chị đã thoả thuận được với nhau nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Hải L khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị Nguyễn Hải L và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét mâu thuẩn thực tế được anh T, chị L trình bày tại phiên toà là có thật và cũng chính từ mâu thuẩn trên, chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên cương quyết xin ly hôn mà không đồng ý tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh T do có nhiều mâu thuẩn, trường hợp Tòa án không giải quyết cho ly hôn chị L cũng không chung sống với anh T. Riêng anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh không nêu lên được giải pháp cụ thể nhằm hàn gắn mối quan hệ hôn nhân vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẩn. Mặc dù, anh T và chị L sống ly thân với nhau nhưng từ khi chị L khởi kiện xin ly hôn đến trước ngày 09/01/2018 (âm lịch) anh, chị vẫn cùng sống chung một nhà. Tuy nhiên, anh T cũng không có biện pháp nào tác động được chị L thay đổi ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy trong đời sống hôn nhân, giữa vợ chồng phải thật sự yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau thì mới xây dựng được gia đình hạnh phúc, nếu một bên chồng hoặc vợ không còn tình cảm nữa thì cưỡng ép chung sống với nhau cũng không mang lại kết quả, không đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Do đó, yêu cầu của chị L về hôn nhân được chấp nhận.

[2] Về con chung là Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/6/2014. Khi ly hôn, cả chị L và anh T không thoả thuận được người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc nuôi dạy, cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Tuy nhiên, không phải giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi thì

người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Hơn nữa, việc chị L và anh T ly hôn đã phần nào xáo trộn tâm lý, cuộc sống bình thường của cháu Thư nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của cháu. Mặc dù, anh T và chị L có đủ điều kiện nuôi dạy con nhưng do cháu Thư là nữ giới, việc phát triển tâm sinh lý của cháu cần phải có sự gần gũi, chăm sóc, chia sẽ của người mẹ nên giao cho chị L nuôi là hợp lý. Tuy nhiên, nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị L gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh T vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, tuy anh T và chị L không thoả thuận được với nhau nhưng việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của cha, mẹ đối với con cái nên chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng là có cơ sở. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng chị L yêu cầu là cao so với thu nhập thực tế của anh T bởi tại phiên toà, cả anh chị đều thừa nhận thu nhập của anh T chủ yếu từ lương, mỗi tháng mức thu nhập của anh T chỉ khoảng 6.000.000đ/tháng, nên cần điều chỉnh và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp. Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung, anh T và chị L đã thoả thuận được với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, anh T và chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị L nộp. Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hải L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung là Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 08/6/2014, hiện đang chung sống với chị Nguyễn Hải L. Tiếp tục giao con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi

con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung, anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Hải L đã thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Hải L khai không có nên không đặt ra xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Hải L phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 01/12/2017, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000057 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Minh T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng - chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã T,
huyện B, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân